TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2026/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 01 năm 2026
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức và bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – An Giang tham gia phiên tòa*: Không.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 411/2025/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Võ Thị H**, sinh ngày 12/12/1984;

Căn cước công dân số: 089184001625.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông **Lê Minh T**, sinh ngày 29/11/1985;

Căn cước công dân số: 089085024516.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang.

(Bà H có mặt; ông T có đơn yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày:***

Bà và ông Lê Minh T được mai mối và chung sống với nhau từ năm 2005, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu ông bà chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do bà và ông T bất đồng quan điểm

sống với nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông bà đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Lê Minh T1, sinh ngày 17/6/2006; hiện con chung đã thành niên và có khả năng lao động được, bà không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Bà H xác định, bà và ông T không có nợ chung.

**** Đối với bị đơn ông Lê Minh T*:** Tại tờ tự khai ngày 30/12/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà H chung sống với nhau vào năm 2005, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn cự cãi nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc, ông bà nhiều lần cố gắng hàn gắn đoàn tụ lại nhưng không có kết quả. Nay ông thống nhất xin được ly hôn với bà Võ Thị H.

Về con chung: Ông và bà H có 01 con chung tên Lê Minh T1, sinh ngày 17/6/2006; hiện con chung đã thành niên và có khả năng lao động được.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

*** Tại phiên tòa**: Bà H có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông T có đơn yêu cầu vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình; bị đơn có địa chỉ tại xã Đ, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân: Bà H, ông T chung sống với nhau vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống,

ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau nên hôn nhân không còn hạnh phúc, nay bà H yêu cầu ly hôn với ông T, ông T đồng ý ly hôn với bà H. Xét thấy, bà H, ông T có đủ điều kiện kết hôn nhưng đến nay vẫn không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H, ông T.

[3.2] Về con chung: Bà H, ông T có 01 con chung tên Lê Minh T1, sinh ngày 17/6/2006; hiện con chung đã thành niên và có khả năng lao động được; Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Bà H, ông T xác định; ông bà không có tài sản chung.

[3.4] Về nợ chung: Bà H, ông T xác định; ông bà không có nợ chung, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều: Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị H và ông Lê Minh T.

2. Về án phí: Bà Võ Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011088 ngày 08-12-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – An Giang), bà H đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 10 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 10 – An Giang;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Dương Thị Bé Thi